

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Năm học: 2024-2025

(Thời điểm báo cáo ngày 01 tháng 10 năm 2024)

I. THÔNG TIN CHUNG

- Tên trường (theo quyết định mới nhất): Trường THPT Phan Bội Châu
- Email: c3phanboichau.lamdong@moet.edu.vn
- Website: <https://thptphanboichau.lamdong.edu.vn/>
- Địa chỉ: Đường Phan Bội Châu, Tổ dân phố 9, Thị trấn Di Linh, huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng
- Loại hình: Công lập
- Sứ mạng: Tạo dựng môi trường học tập và rèn luyện an toàn, thân thiện, nền nếp, kỷ cương, chất lượng, nhân văn.
- Tầm nhìn: Trường THPT Phan Bội Châu là một trong những trường THPT có chất lượng hàng đầu của tỉnh, là địa chỉ tin cậy của phụ huynh, học sinh. Là nơi giáo viên và học sinh luôn có khát vọng vươn tới những đỉnh cao.
- Mục tiêu: Xây dựng môi trường làm việc và học tập khoa học, đậm chất nhân văn, chất lượng giáo dục tốt và bền vững.
- Quá trình hình thành và phát triển

Trường THPT Phan Bội Châu được thành lập theo Quyết định số 278/QĐ-UBND, ngày 03 tháng 02 năm 2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng về việc tách khối HS THCS ra khỏi Trường THCS và THPT Phan Bội Châu-Di Linh. Trường tọa lạc tại đường Phan Bội Châu thuộc tổ dân phố 9 - Thị trấn Di Linh.

Trường THPT Phan Bội Châu có cơ cấu tổ chức, bộ máy hoạt động đúng theo quy định tại Điều lệ trường trung học gồm: Hội đồng trường, Hội đồng thi đua khen thưởng, Hội đồng kỷ luật, các tổ chuyên môn, tổ Văn phòng; có tổ chức cơ sở Đảng Cộng sản Việt Nam, tổ chức Công đoàn, Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, Hội Chữ thập đỏ, Hội khuyến học, các tổ chức này hoạt động đúng chức năng và nhiệm vụ theo quy định.

Nhà trường có đủ đội ngũ GV để giảng dạy các môn học theo quy định của Bộ GD&ĐT, tổ chức thực hiện đầy đủ các hoạt động quản lý, xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện và kiểm tra đánh giá theo quy định góp phần quan trọng trong việc thực hiện các nhiệm vụ của nhà trường.

Cảnh quan môi trường sư phạm thường xuyên được tu bổ, tôn tạo ngày càng khang trang, sạch đẹp. Đội ngũ CBQL, GV, NV nhiệt tình, có trình độ chuẩn về chuyên môn, có tinh thần trách nhiệm với công việc, có phẩm chất đạo đức tốt, có

ý thức đoàn kết và tương trợ nhau trong công tác và đời sống. Phần lớn HS của nhà trường chăm ngoan, nhiệt tình tham gia vào các hoạt động do nhà trường, Đoàn trường tổ chức; có ý thức chấp hành nội quy, qui định của nhà trường và pháp luật của Nhà nước.

- Người đại diện: Ông Nguyễn Văn Dũng – Bí thư chi bộ, Hiệu trưởng

- Cơ sở vật chất (CSVCh) của trường trang khang với diện tích 32.749 m², có 20 phòng học

- Tổ chức bộ máy: Trường có 77 CBQL, GV, NV trong đó: CBQL: 03, GV: 67, NV: 07 (trong đó có 03 NV hợp đồng 111), được chia làm 08 tổ chuyên môn và 01 tổ văn phòng, tất cả đội ngũ đều có trình độ đạt chuẩn, có 07 CBQL, GV có trình độ trên chuẩn.

Tổng số học sinh đầu năm học 2024-2025 có 1362 em/ 33 lớp, khối 10: 490 em, khối 11: 459 em, khối 12: 413 em.

- Quyết định số 278/QĐ-UBND, ngày 03 tháng 02 năm 2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng về việc tách khỏi HS THCS ra khỏi Trường THCS và THPT Phan Bội Châu-Di Linh.

- Quyết định số 864/QĐ-SGDĐT ngày 19/10/2023 của Sở GDĐT Lâm Đồng về việc kiện toàn Hội đồng trường, Trường THPT Phan Bội Châu, nhiệm kỳ 2021- 2026

DANH SÁCH HỘI ĐỒNG TRƯỜNG

Stt	Họ và tên	Chức vụ, chức danh	Ghi chú
1	Ông Nguyễn Văn Dũng	Hiệu trưởng- Bí thư chi bộ	
2	Ông Nguyễn Văn Phương	Phó hiệu trưởng- Chủ tịch công đoàn	
3	Ông Dương Hồng Kông	Bí thư Đoàn TN	
4	Bà Trần Kim Hằng	Tổ trưởng tổ Sinh học	
5	Bà Đặng Thị Mai	Tổ trưởng tổ Tiếng Anh	
6	Bà Nguyễn Thị Hương	Tổ trưởng tổ Ngữ văn	
7	Ông Nguyễn Văn Viễn	Tổ trưởng tổ Toán	
8	Bà Nguyễn Thị Thu Ba	Trưởng ban đại diện CMHS	
9	Mời Bà Phạm Thị Sâm	Phó chủ tịch UBND TT Di Linh	
10	Bà Đoàn Thị Diệu Huyền	Tổ trưởng văn phòng	
11	Em Nguyễn Bảo Ngọc	Học sinh	

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN³

THÔNG TIN VỀ ĐỘI NGŨ GIÁO VIÊN, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN
ĐẦU NĂM HỌC 2024-2025

TT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo				Hạng chức danh nghề nghiệp		Chuẩn nghề nghiệp	
			ThS	ĐH	TC	Dưới TC	Hạng III	Hạng II	Tốt	Khá
Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên		77	7	68	1	3	58	15	19	53
Cán bộ quản lý		3	1	2	0	0	2	1		3
1	Hiệu trưởng	1		1			1			1
2	Phó hiệu trưởng	2	1	1			1	1		2
Tổng số Giáo viên		67	6	61	0	0	53	14	19	48
1	Toán	11	1	10			9	2		12
2	Lý	7	1	6			4	3	5	2
3	Hóa	6	1	5			5	1		6
4	Sinh	6	2	4			4	2	3	3
5	GDTC	4	1	3			4			4
6	Công nghệ	1		1				1		1
7	Ngữ văn	9		9			9		9	0
8	Lịch sử	3		3			2	1		3
9	Địa	3		3			3			3
10	GDKTPL	2		2			2			2
11	Tin	4		4			3	1		4
12	Quốc phòng	2		2			1	1		2
13	Anh văn	9		9			7	2	2	7
Nhân viên		7	0	3	1	3	1	0		
1	Nhân viên văn thư	1		1						
2	Nhân viên kế toán	1		1			1			
3	Nhân viên y tế	1			1					
4	Nhân viên thư viện	1		1						
5	Nhân viên khác	3				3				

- Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hàng năm theo quy định là: 70 người, tỷ lệ 100% trong đó cán bộ quản lý: 03, giáo viên 67.

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT⁴

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Tổng số diện tích đất (m²)	32.749	
II	Số phòng học	20	Số m ² /học sinh
1	Phòng học kiên cố	20	-
2	Số phòng học bộ môn	5	-
3	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	1	-
4	Bình quân học sinh/lớp	41.24	-
III	Số điểm trường	0	-
IV	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	3200	
V	Tổng diện tích các phòng		
1	Diện tích phòng học (m ²)	48	
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)	72	
3	Diện tích thư viện (m ²)	96	
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)	967	
5	Diện tích phòng hoạt động Đoàn Đội, phòng truyền thống (m ²)	24	
VI	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu		Số bộ/lớp
	(Đơn vị tính: bộ)		
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định		
1.1	Khối lớp 10	2	
1.2	Khối lớp 11	2	
1.3	Khối lớp 12	2	
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định		
2.1	Khối lớp 10	2	
2.2	Khối lớp 11	2	
2.3	Khối lớp 12	2	
3	Khu vườn sinh vật, vườn địa lý (diện tích/thiết bị)	60	
VII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập	74	Số học sinh/bộ
	(Đơn vị tính: bộ)		
VIII	Tổng số thiết bị đang sử dụng		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	12	
2	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	18	
3	Bảng tương tác thông minh	9	

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC⁵

1. Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục; kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá.

1.1. Đánh giá tiêu chí Mức 1, 2 và 3

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả			
	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tiêu chuẩn 1				
Tiêu chí 1.1		X	X	X
Tiêu chí 1.2		X	X	
Tiêu chí 1.3		X	X	X
Tiêu chí 1.4		X	X	X
Tiêu chí 1.5		X	X	X
Tiêu chí 1.6		X	X	X
Tiêu chí 1.7		X	X	
Tiêu chí 1.8		X	X	
Tiêu chí 1.9		X	X	
Tiêu chí 1.10		X	X	
Tiêu chuẩn 2				
Tiêu chí 2.1		X	X	X
Tiêu chí 2.2		X	X	X
Tiêu chí 2.3		X	X	X
Tiêu chí 2.4		X	X	X
Tiêu chuẩn 3				
Tiêu chí 3.1		X	X	X
Tiêu chí 3.2		X	X	X
Tiêu chí 3.3		X	X	X
Tiêu chí 3.4		X	X	

Tiêu chí 3.5		x	x	x
Tiêu chí 3.6		x	x	x
Tiêu chuẩn 4				
Tiêu chí 4.1		x	x	x
Tiêu chí 4.2		x	x	x
Tiêu chuẩn 5				
Tiêu chí 5.1		x	x	x
Tiêu chí 5.2		x	x	x
Tiêu chí 5.3		x	x	
Tiêu chí 5.4		x	x	
Tiêu chí 5.5		x	x	x
Tiêu chí 5.6		x	x	x

Kết quả: Đạt mức 3

1.2. Đánh giá tiêu chí Mức 4

Tiêu chí	Kết quả		Ghi chú
	Đạt	Không đạt	
Tiêu chí 1		x	
Tiêu chí 2		x	
Tiêu chí 3	x		
Tiêu chí 4		x	
Tiêu chí 5		x	
Tiêu chí 6	x		

Kết quả: Không đạt mức 4

Kết luận: Trường Đạt mức 3

2. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ nay đến cuối năm 2025, Hiệu trưởng cùng Hội đồng trường tiến hành rà soát, đánh giá tiến độ hoàn thành của những mục tiêu chưa đạt được của phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường giai đoạn 2025-2030 để tiếp tục điều chỉnh nội

dung phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường giai đoạn 2020-2025 và làm căn cứ xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường giai đoạn 2025-2030 phù hợp với điều kiện nhà trường, mục tiêu phát triển kinh tế-xã hội của địa phương và yêu cầu đổi mới giáo dục, việc triển khai thực hiện chương trình giáo dục mới 2018. Tiếp tục đổi mới nội dung, cách thức sinh hoạt Hội đồng trường để phát huy tính tự giác, chủ động đóng góp ý kiến của các thành viên. Tiếp tục tăng cường phối hợp với CMHS và chính quyền địa phương trong việc tích cực đóng góp ý kiến cho kế hoạch chiến lược phát triển của nhà trường hàng năm và theo từng giai đoạn.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC⁶

1. Thông tin tuyển sinh năm học 2023-2024

Số học sinh trúng tuyển vào lớp 10: 465 học sinh / 11 lớp, bình quân 42,27 học sinh/ lớp

2. Công khai thông tin chất lượng thực tế năm học 2023- 2024

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối		
			Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
I	Số học sinh chia theo hạnh kiểm	336			336
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	93,45%			93,45%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	6,25%			6,25%
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	0,30%			0,30%
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	0,00%			0,00%
II	Số học sinh chia theo học lực	336			336
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	26,79%			26,79%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	46,43%			46,43%
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	24,40%			24,40%
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	2,38%			2,38%
5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)	0,00%			0,00%
III	Tổng hợp kết quả cuối năm	336			336
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	100,00%			100,00%
a	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	26,79%			26,79%
b	Học sinh tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)	46,43%			46,43%
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	0,00%			0,00%
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	0,00%			0,00%
4	Chuyển trường đến / đi (tỷ lệ so với tổng số)	0,30%			0,30%
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	0,00%			0,00%
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm (tỷ lệ so với tổng số)	0,58%			0,58%
IV	Học sinh đạt các giải các kỳ thi học sinh giỏi	17			17

1	Cấp tỉnh/ thành phố	17		17
2	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế	0		0
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp	336		336
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp	336		100%
VII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng	227		67,56
VIII	Số học sinh nữ	188		188
IX	Số học sinh dân tộc thiểu số	147		147

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối		
			Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
I	Số học sinh chia theo kết quả rèn luyện	881	465	416	
1	Tốt (tỷ lệ so với Tổng số)	89.90%	89.89%	89.90%	
2	Khá (tỷ lệ so với Tổng số)	9.31%	9.25%	9.38%	
3	Đạt (tỷ lệ so với Tổng số)	0.79%	0.86%	0.72%	
4	Chưa đạt (tỷ lệ so với Tổng số)	0.00%	0.00%	0.00%	
II	Số học sinh chia theo kết quả học tập	881	465	416	
1	Tốt (tỷ lệ so với Tổng số)	24.63%	21.08%	28.61%	
2	Khá (tỷ lệ so với Tổng số)	46.08%	47.74%	44.23%	
3	Đạt (tỷ lệ so với Tổng số)	29.17%	30.97%	27.16%	
4	Chưa đạt (tỷ lệ so với Tổng số)	0.11%	0.22%	0.00%	
III	Tổng hợp kết quả cuối năm	881	465	416	
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	99.89%	99.78%	100.00%	
a	Học sinh Xuất sắc (tỷ lệ so với Tổng số)	3.86%	2.58%	5.29%	
b	Học sinh Giỏi (tỷ lệ so với Tổng số)	20.77%	18.49%	23.32%	
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	0.79%	1.08%	0.48%	
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	0.11%	0.22%	0.00%	
4	Chuyển trường đến / đi (tỷ lệ so với tổng số)	1.36%	1.08%	1.68%	
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	0.00%	0.00%	0.00%	
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm (tỷ lệ so với tổng số)	0,94%	0.00%	0,94%	
IV	Học sinh đạt các giải các kỳ thi học sinh giỏi	16	4	12	0
1	Cấp tỉnh/ thành phố	16	4	12	0
2	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế	0	0	0	0
V	Số học sinh nữ	510	260	250	
VI	Số học sinh dân tộc thiểu số	398	210	188	

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH⁷: Các Quyết định công khai dự toán ngân sách, dự toán thu chi đã được kế toán công khai theo quy định.

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC⁸

Nhà trường đã tuyên truyền, phổ biến, quán triệt đầy đủ, kịp thời các văn bản chỉ đạo của cấp trên đến toàn thể CB-GV-NV và học sinh.

- Công tác giáo dục chính trị tư tưởng cho đội ngũ được thực hiện thường xuyên, liên tục, kịp thời, hiệu quả. Đặc biệt nội dung quan tâm tuyên truyền là ý thức chấp hành các quy định của pháp luật liên quan đến ATGT, ANTT, phòng chống bạo lực học đường, tai nạn thương tích, tệ nạn xã hội.

- Công tác chuyên môn: Đã bám sát các văn bản chỉ đạo của Bộ GDĐT, Sở GDĐT để xây dựng kế hoạch đầy đủ, rõ ràng, phù hợp và triển khai kịp thời đến từng cán bộ, giáo viên. 100% giáo viên thực hiện hồ sơ sổ sách điện tử và ứng dụng CNTT vào giảng dạy, giáo dục học sinh.

Nền nếp, kỷ cương, kỷ luật trong chuyên môn được duy trì và thực hiện nghiêm túc. Nhiều giáo viên đã thể hiện được ý thức, tinh thần trách nhiệm cao trước công việc, tạo được sự tin nhiệm của đồng nghiệp và niềm tin của học sinh.

Ý thức, tinh thần, thái độ học tập của học sinh tiếp tục có những chuyển biến tích cực hơn. Chất lượng đại trà tiếp tục được củng cố và phát triển. Chất lượng mũi nhọn được duy trì và có nhiều chuyển biến ở những bộ môn thuộc tổ hợp xã hội.

Nhà trường thực hiện đầy đủ, kịp thời các chế độ, chính sách cho CB-GV-NV và học sinh đảm bảo công khai, minh bạch về tài chính, tài sản theo quy định.

Phối hợp thực hiện hiệu quả việc hỗ trợ xây dựng nông thôn mới tại xã Tân Châu theo Đề Án 04-ĐA/HU của Huyện ủy. Trường đã ủng hộ 20 triệu với 40 suất quà nhân dịp Tết nguyên đán 2024.(UBND xã 10 triệu và trường THCS 10 triệu).

Đại đa số học sinh nhà trường chăm ngoan, tích cực trong học tập và rèn luyện. Nhiều tấm gương tiêu biểu vượt khó vươn lên trong học tập và rèn luyện đã xuất hiện. Có học sinh đã được chi bộ bồi dưỡng, phát triển đảng viên trong thời gian tới (Học sinh Đoàn Thị Gia Hân -12A2).

Cảnh quan học đường, môi trường sư phạm được duy trì đảm bảo xanh, sạch đẹp, an toàn, thân thiện, văn hóa, văn minh.

Trong năm học không để xảy ra vụ việc vi phạm nghiêm trọng nào của học sinh gây ảnh hưởng đến uy tín của nhà trường, của ngành, của địa phương.

Nơi nhận:

- Bảng thông báo;
- Đăng trên Website;
- Lưu: VT.



Nguyễn Văn Dũng

